

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2023

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Bé**

- Bà **Bùi Thị Là**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** là
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà
Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm
Đồng mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:
05/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm
2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phương H**; Sinh năm 1999

Trú tại: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn V**; Sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phương H trình bày thì:**

Bà và ông Nguyễn V sau một thời gian quen biết tìm hiểu nhau được 2 năm
thì tiến tới hôn nhân, trước đó thì ông bà cũng đã quen biết nhau do ở cùng một
thôn. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2018. Sau khi kết hôn hai vợ
chồng sống chung với nhau tại nhà bố mẹ chồng vì chưa có nhà riêng, đến ngày
15/5/2020 thì do mâu thuẫn vợ chồng nên bà chuyển về ở cùng mẹ đẻ cho đến
nay. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên
nhân là do ông V không quan tâm, chia sẻ gánh vác trách nhiệm cùng chăm lo
cho gia đình mà chỉ ham chơi, hai bên không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn

ngày càng nghiêm trọng từ khi bà sinh con thứ hai vào năm 2020. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn V.

Về con chung: bà và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn PA, sinh ngày 02/08/2018 và cháu Nguyễn B sinh ngày 08/02/2020. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu A và cháu B, không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Ngoài ra, bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bị đơn ông Nguyễn H thì:***

Ông thừa nhận có quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung như nội dung bà H trình bày là đúng, ông không bổ sung gì thêm. Nhưng ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay vẫn còn, ông vẫn thương yêu vợ, mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu bà H cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung nếu ly hôn ông có nguyện vọng được nhận nuôi cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/08/2018, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, vì một mình vợ ông vừa đi làm không thể chăm sóc một lúc hai cháu tốt được và rất vất vả nên ông muốn san sẻ trách nhiệm với bà H trong việc nuôi con.

Hiện nay ông đang làm vườn, trồng cà phê, không có thu nhập hàng tháng nhưng có thu nhập khi thu hoạch mùa vụ, khoảng 100.000.000 đồng/năm, thỉnh thoảng ông còn tranh thủ làm thêm công việc khác để kiếm thêm thu nhập nên đời sống khá ổn định.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, bà H yêu cầu ly hôn, ông V đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phương H và ông Nguyễn V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ vào ngày 05/6/2018. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với V, hiện nay ông V, bà H đang sinh sống tại thôn C, xã R, huyện Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Phương H và ông Nguyễn V đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ nên xác định hôn nhân của bà Phương H và ông Nguyễn V hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà H, ông V xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Do ông V không chú tâm làm ăn để chăm lo cho gia đình mà còn không tâm lý, san sẻ cho vợ trong khi bà H bận chăm con nhỏ, công việc nhiều đôi khi áp lực do quan hệ hai bên gia đình nội ngoại. Nay bà H thấy rằng bà không còn tình cảm với ông V nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông V. Còn ông V thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng nếu bà V vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Xét thấy bà H và ông V đang sinh sống tại địa phương thôn P, xã R, huyện Đ, có điều kiện kinh tế ngang nhau và đều có nguyện vọng nhận nuôi con chung và để cả hai đều có trách nhiệm đối với con chung sau khi ly hôn nên cần thiết giao cho các bên mỗi người nhận nuôi một con chung để các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/08/2018 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con, giao cháu Nguyễn B sinh ngày 08/02/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] **Về án phí:** Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Phương H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Phương H và bị đơn ông Nguyễn V được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn A, sinh ngày 02/08/2018 cho ông Nguyễn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Nguyễn B sinh ngày 08/02/2020 cho bà Phương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Phương H phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010208 ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- UBND xã R, h. Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thi Thúy Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bé

Bùi Thị Là

Đỗ Thị Thúy Phượng